

MỘT SỐ LỄ HỘI PHẬT GIÁO ĐÔNG NAM Á

TRƯƠNG SỸ HÙNG^{*}

Qúa trình thâm nhập tư tưởng Phật giáo vào lễ hội dân gian Đông Nam Á diễn ra bền bỉ lâu dài, nhưng gần như không có xung đột về hệ ý thức. Có được kết quả đó, trước hết là do bản chất mỗi loại hình tôn giáo đều đã hướng tới khai thác thế giới tâm linh con người, giúp con người lí giải những hiện tượng siêu nhiên, an ủi nỗi bất hạnh của từng số phận mà khi ấy trình độ khoa học kĩ thuật chưa phát triển, văn hóa xã hội còn ấu trĩ.

Tuy biểu tượng văn hóa tâm linh có khác Ấn Độ giáo, nhưng với mục đích hướng thiện, giáo dục con người sống tự giác nhận thức chính bản thân mình và thế giới xung quanh, nên Phật giáo thu hút được đông đảo quần chúng. Nói chung, vai trò của Phật giáo trong đời sống văn hóa lễ hội dân gian là tương đối thống nhất về nội dung cảm hóa và hình thức biểu hiện theo nhịp điệu thời gian của Phật lịch. Phật giáo đã truyền vào các tiểu vương quốc Đông Nam Á thời trung cổ khá sớm. Các nhà nước phong kiến phân lập đã từng nâng Phật giáo thành quốc giáo. Thể chế hóa những nét đẹp văn hóa vốn đã sinh sôi nảy nở trong đời sống văn hóa tâm linh, đã tạo ra những bước phát triển rực rỡ của Phật giáo. Dù đã trải qua nhiều biến cố lịch sử, lễ hội Phật giáo vẫn tồn tại và trở thành nhu cầu hưởng thụ văn hóa không thể thiếu của hầu hết nhân dân lao động.

Ở các nước Đông Nam Á lục địa, nếp sống theo tư tưởng Phật giáo biểu hiện tương đối thống nhất với nhau trong lễ hội nông nghiệp. Tương ứng với ngày sinh của Đức Phật, từ đầu tháng Tư đến ngày 15 (theo âm lịch) dường như cả vùng Đông Nam Á đều rộn lên không khí náo nhiệt của lễ hội mang tính quốc gia.

Ở Việt Nam trước khi có sự thống nhất lấy ngày 15 tháng Tư tổ chức lễ hội, các phật tử thường đến chùa dâng hoa lễ Phật vào ngày 8 tháng Tư và gọi là ngày "*Bụt sinh cá đẽ*". Theo nghi lễ truyền thống, ngay từ những ngày đầu tháng, tất cả các tăng ni, phật tử đều nhớ ngày Phật đản sắp đến. Ai ai cũng lo sắm sửa đồ cúng chay tịnh, hương mới, hoa tươi quả đẹp... đợi ngày hội lễ đến chùa làng lễ Phật. Ở các thành phố, đô thị nhiều nơi, các kiểu rước tượng Phật lúc mới ra đời ở tư thế đứng thẳng, hai tay ấn quyết, tay trái chỉ lên trời, tay phải chỉ xuống đất. Sau lễ rước Phật, các nhà sư đọc kinh cầu Phật ban cho phúc lành.

Đặc biệt, đức Phật Man Nương ở chùa Dâu được kinh sách ghi lại là sinh ngày 8 tháng 4 hiện vẫn được tôn kính, tín nghĩa. Kinh *Cổ Châu Phật bản hạnh* đã viết:

Đời Hán Linh Đế hiện ra

*Phật sinh xuất thế, thiên hạ phong lưu
Việt Nam đất, hiệu Giao Châu*

*. TS., Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

Nhìn xem cảnh vật địa đầu sơn xuyên⁽¹⁾

Trong hệ thống lễ hội các chùa Tứ Pháp, lễ tắm Phật rất được phật tử trân trọng. Có thể nói, hội chùa Dầu là lễ hội tôn giáo kết hợp cả kỉ niệm ngày sinh của Đức Phật Thích Ca và Đức Phật Man Nương với lễ cầu mưa lớn nhất ở vùng đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam. Sự tích Đức Phật Man Nương đã được sách Lĩnh Nam chích quái ghi lại từ thế kỉ XV. Dĩ nhiên là trong dân gian ở mỗi nơi vẫn có nhiều dị bản khác đi chút ít. Xin tóm lược như sau: “Man Nương là con gái ông Tu Định, vào chùa Linh Quang xin học Phật. Sư Khâu Đà La trụ trì ở chùa thường đi thuyết pháp ở xa, nhiều lần trở về chùa vào lúc đêm khuya. Man Nương hay ngủ quên nên có hôm ra cửa nằm đón thầy. Một hôm, sư Khâu Đà La vô tình bước qua người Man Nương nên Man Nương có thai, bỏ chùa về nhà đẻ. Cha mẹ đuổi Man Nương. Man Nương vào rừng, dựng am cỏ ở đợi ngày sinh con. Sinh con xong, Man Nương bế con đến chùa trả sư. Sư đặt đứa trẻ vào gốc cây dâu (dân làng Mãn Xá ở Thuận Thành, Bắc Ninh kiêng tên húy, nói chệch là *du*), cây bông nứt thân, chừa ra một khoảng trống để đứa trẻ nằm lọt vào giữa rồi khép lại. Mấy năm sau, một cơn mưa bão lớn làm đổ cây. Cây trôi theo dòng nước đến Luy Lâu thì dừng lại. Sĩ Nhiếp cho người kéo cây gỗ thì không ai kéo được. Khi Man Nương đến nơi, tung dải yếm ra kéo thì cây gỗ nhẹ nhàng lên bờ. Thấy sự lạ, dân làng cho cắt cây gỗ làm bốn đoạn để tạc tượng thờ. Pho tượng thứ nhất vừa tạc xong thì mây đen vần vũ đầy trời nên đặt tên là Pháp Vân. Pho thứ hai tạc xong thì trời đổ mưa âm âm nên đặt tên là Pháp Vũ. Pho tượng thứ ba tạc xong thì sấm nổi

đùng đùng nên đặt tên là Pháp Lôi. Pho tượng thứ tư tạc xong thì chớp lửa loang loáng nên đặt là Pháp Điện.

Bốn pho tượng Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện tạc xong định đưa vào bốn chùa ở quanh vùng để thờ nhưng không ai khiêng lên được. Man Nương biết là khi cửa gỗ, đứa bé hóa đá ở phần giữa cây bị nhóm thợ đẩy xuống sông. Bà vớt lên đem về chùa gọi là Thạch Quang. Lúc ấy, dân làng mới khiêng nổi tượng về các chùa Thiên Định (tức chùa Dầu), Thành Đạo, Phi Trưởng và Trí Quả. Tương truyền, khi Man Nương bỏ chùa về nhà, sư Khâu Đà La có đưa cho một cây gậy. Cây gậy có phép lạ nếu cắm gậy xuống đất thì có nước trào lên. Gặp khi hạn hán, Man Nương lấy gậy cắm xuống đất lấy nước đem lại nguồn sống cho mọi người. Có nơi kể là “sư Khâu Đà La niệm chú, hô phong đảo vũ” thì trời mưa.

Tuy nhiều lớp văn hóa đan xen như thế, tựu trung tích Phật Man Nương và Tứ Pháp trong lễ hội chùa Dầu vẫn tập trung chủ đề cầu mưa, nắng cho cây cối xanh tươi, con người sinh sôi nảy nở. ở vùng Kinh Bắc có mấy câu ca:

Mồng tám tháng Tư không mưa

Bỏ cả cày bừa mà vớt lúa đi

Ngày tám tháng Tư có mưa

Mẹ con đi sớm về trưa ngại gì.

Hoặc:

Mưa ngày mồng tám tháng Tư

Bụt còn để nữa là sư lo gì⁽²⁾

Thực ra, lễ hội chùa Dầu khai hội từ ngày 6 ở cả bốn nơi thờ chính tại Bắc Ninh.

1. Viện Nghiên cứu Hán Nôm, *Di văn chùa Dầu*, Nxb Khoa học xã hội, H. 1997.

2. Viện Nghiên cứu Hán Nôm, *Di văn chùa Dầu*,... Sđd.

Cả vùng đồng bằng Bắc Bộ đã nhân rộng lễ hội bằng cách dựng thêm chùa thờ Phật Tứ Pháp.

Sự tích đức Phật Xáandon và Mathi trong lễ hội Phạvệt của Lào cũng cho thấy hai vị Phật ở đây cũng là Phật bản địa. Lễ hội Phạvệt và lễ hội chùa Dâu đều diễn ra trong tháng Tư. Rõ ràng là mỗi nước đều đã có Phật bản địa ra đời. Phật Man Nương ở hội chùa Dâu thuần túy nhập thế chỉ nương theo phép mầu do sư Kláu Đà La chỉ giáo, còn Phật Xáandon và Mathi của Lào thì được ca ngợi ở công đức bố thí. Lễ hội Phạvệt là có dấu ấn của thần Ấn Độ giáo, lễ hội chùa Dâu có dấu ấn của Thần cây.

Loại hình lễ hội thứ hai có liên quan đến “Bánh xe pháp luân” trong đạo Phật ở Đông Nam Á cũng rất phong phú. Tuy nhiên, các lễ hội dân gian đó không phục dựng lại những bước đường đức Phật đi thuyết pháp. Mỗi lễ hội cụ thể gắn liền với một vị đức Phật mới nào đó đã được cư dân suy tôn. Vì là Phật bản địa nên vị nào cũng mang dấu ấn thần linh, có nguồn gốc địa phương.

Hơn dẫu hết, tượng Phật ở chùa Keo, Thái Bình, như một bảo tàng mỹ thuật Phật giáo. Gọi là chùa Keo vì chùa làm ở ấp Keo cũ. Thực tế đây là một quần thể di tích bao gồm một chùa thờ Phật và một đền thờ thánh được kiến trúc rất đặc biệt. Một mặt tôn sùng đạo Phật đến mức điển hình ở Việt Nam, một mặt rất đề cao đức thánh Không Lộ cũng đã trở thành vị Phật bản địa. Mọi thủ tục nghi lễ cúng bái không phân biệt trong ngày hội, trong các ngày sóc vọng.

Lễ hội chùa Keo được tổ chức mỗi năm hai lần. Lần thứ nhất diễn ra trọn một ngày vào dịp sau tết Nguyên đán, ngày 4

tháng Giêng. Dân làng tập trung về chùa làm lễ dâng cúng đầy đủ: “đăng, trà, hương, hoa, quả, thực” và xin phép thánh Phật cho tiến hành hội xuân đầu năm. Hội xuân đầu năm ở chùa Keo thực chất là lễ hội cầu may, xin Phật thánh phù hộ cho dân được cơm no áo ấm, xin thánh giúp sức bằng phép lạ cho trời mưa gió thuận hòa, cho mùa vụ bội thu và chăn nuôi phát triển.

Xưa kia, tham gia tổ chức hội chùa Keo có tám giáp. Sau nghi lễ cúng Phật, hội thi nấu cơm được tiến hành. Dứt ba hồi trống lớn, tám chàng trai đại diện của tám giáp lấy lọ sành ra ao chùa múc gạo, xiết đậu, giã bột... và lấy lửa từ hai thanh cột tre già. Sau một tuần hương, sau khi trống điểm báo hết thời gian thi, mỗi giáp cúng đủ hai đĩa xôi, hai bát cơm, bốn bát chè, hai đĩa bánh. Giáp nào đạt mọi tiêu chuẩn tốt thì được trao giải thưởng của hội. Cả tám mâm đều được mời khách và chủ trong hội hưởng lộc đầu năm. Trong hội có tục thi bắt vịt. Hai con vịt khỏe, to được thả xuống ao rộng trước cửa chùa, tám chàng trai của tám giáp bơi lặn sẵn vịt bằng tay phải, tay trái giữ một lá cờ đuôi nheo bằng giấy sao cho khỏi ướt. Ai bắt được vịt, cờ không bị ngấm nước thì thắng cuộc. Cuộc thi thứ ba là thi ném pháo. Hai cây tre cao khoảng sáu, bảy mét được buộc một đoạn tre khác có khoảng cách ba mét, ở giữa treo một nón pháo. Nón pháo hình chóp cụt, phất giấy kín, trong lòng nón có một lá để tẩm thuốc pháo, một dây pháo tếp có pháo đùng ở đoạn kết. Người chơi dùng pháo tếp rời, đứng dưới sân đốt, ném vào nón pháo. Chỉ khi nào có người ném trúng nón pháo; pháo nổ chạm vào lá đề, lá đề bốc cháy, pháo nổ theo, bốn quả pháo đùng nổ xé tan nón pháo thì có một dù

nhỏ tung ra, kéo theo lá phướn có dòng chữ “Thiên hạ thái bình, phong đăng hòa cốc”.

Lần thứ hai diễn ra vào tháng 9, cũng có mặt đủ tám giáp. Không khí lễ hội rộn lên từ ngày 10. Các phật tử, tăng ni cùng lo lau rửa, tu chỉnh đồ thờ, tẩm tượng và thay áo tượng thánh. Ngày 11, dựng cờ đại, cử bốn mươi hai chàng trai trẻ khiêng kiệu. Các giáp lo hội thuyền bơi trái xuống sông.

Ngày 13, lễ hội chính thức. Lễ Phật ở trong chùa do một vài cụ chăm lo. Hội thi bơi chải diễn ra rộn ràng trên một khúc sông khoảng năm cây số. Trai thanh gái tú, người già, trẻ em nô nức reo hò cổ vũ. Cuộc vui khỏe kéo dài suốt ba ngày hội. Các bậc Nho lão tập trung tại chùa thi viết và đọc văn tế theo chủ đề “Lục cúng”³. Buổi tối, tất cả những người khiêng kiệu, cầm cờ, mục đồng và chức sắc đều vào trước ban thờ thánh, lễ cầu an. Ngoài sân chùa hội thi đánh trống, thổi kèn vang dội. 12 giờ đêm, chủ hội làm lễ cúng cột cờ phướn.

Ngày 14, sau lễ dâng hương, đám rước bắt đầu diễu hành. Đi đầu đám rước là đôi ngựa gỗ có bánh xe kéo, rồi đến tám lá cờ ngũ sắc bát bửu đi trước kiệu thánh. Bên cạnh kiệu thánh có một thuyền rồng và một chiếc nứa nhỏ hơn đặt trên giá tiểu đình và tám trẻ mục đồng đi theo. Đó là biểu tượng diễn lại thân thế, sự nghiệp của Thiền sư Không Lộ. Giữa chặng đường đi của đám rước còn có hình ảnh bà Chàng theo Không Lộ lên trời bán cá, cùng sáu con rối gỗ khác đón chào. Ở ao chùa cùng lúc có một con thuyền chở tám đứa trẻ tề chỉnh trong trang phục lễ hội đang bơi quanh cũng là phụ cảnh diễn lại cuộc đời chài lưới khi Thiền sư Không Lộ

chưa xuất gia đi tu. Chiều 14, trước ban thờ thánh có điệu múa tôn giáo “ếch vồ” do mười hai “chân kiệu” (người khiêng kiệu) biểu diễn.

Ngày 15, kết thúc hội vẫn diễn lại lễ dâng cúng. Tại tòa giá roi lại có lễ chào trái càn hầu thánh.

Lễ hội chùa Láng và lễ hội chùa Thầy (Hà Nội) là một hiện tượng tâm lý tôn giáo giống như lễ hội chùa Keo. Thiền sư Từ Đạo Hạnh được phối thờ cùng Đức Phật Thích Ca và cả hệ thống các vị Phật khác, được coi là linh hồn chủ yếu ở hai lễ hội này.

↳ Là bậc thầy của Thiền sư Minh Không, Thiền sư Từ Đạo Hạnh trước khi xuất gia tu hành đã học đạo tu tiên. Sử cũ cho biết là trước khi đi tu, Từ Đạo Hạnh có thể danh là Từ Lộ. Cha Từ Lộ là Từ Vinh làm quan triều Lý bị pháp sư Đại Điền chém làm ba mảnh. Có câu ngạn ngữ: “Làng Mọc thờ đầu, Lũ Cầu thờ chân. Pháp Vân thờ mình” ghi nhớ án mạng khủng khiếp này. Từ Vinh nuôi chí phục thù cho cha, nên cùng Minh Không, Giác Hải tìm đường sang Tây Thiên (?) học đạo. Khi đạo pháp đã mầu nhiệm, Từ Lộ “ném gậy xuống sông thì gậy nhảy ngược dòng” đến cầu Tây Dương, gậy dừng lại. Từ Lộ tìm đến nhà Đại Điền, giết chết kẻ thù rồi đến núi Sài tu hành, hái lá rừng làm thuốc chữa bệnh cho dân, dạy dân múa hát và làm trò múa rối. Công đức, tài danh Từ Đạo Hạnh nổi tiếng. Sau, sư dầu thai vào nhà Sùng Hiến hầu, chính là vua Lý Thần Tông. Nhiều chùa đúc tượng thiền sư Từ Đạo Hạnh phối thờ với tượng Phật.

3. Lục cúng gồm 6 loại lễ vật: hương, đăng (đèn), trà, hoa, quả, thực (cơm nấu bằng gạo tẻ hoặc gạo nếp).

Từ sự tích trên đây, lễ hội Phật giáo Việt Nam đã cử hành gần như “diễn lại” cả sự nghiệp của Thiên sư Từ Đạo Hạnh ở chùa Láng và chùa Thầy. Cả hai lễ hội đều diễn ra vào ngày 7 tháng 3 âm lịch - ngày Thiên sư “hóa Phật”. Trước năm 1945, hội chùa Láng kéo dài gần như hết nửa tháng 3. Đám rước với đầy đủ kiệu thánh, bát bảo, cờ Phật, cờ ngũ sắc... khởi hành từ chùa Láng sáng ngày 5 lên chùa Nền - nền nhà ông bà Từ Vinh - lễ cha mẹ. Chiều, đám rước quay về chùa Láng. Sáng ngày 6, đám rước từ chùa Láng lên đền Tam Huyền - nơi thờ riêng Từ Đạo Hạnh, rồi lại về chùa Láng. Sáng ngày 7, sau ba hồi trống lệnh, đám rước ra khỏi tam quan chùa Láng, chờ kiệu của một số làng về góp hội, rồi lội qua sông Tô ở cống Cót, đến chùa Duệ thì dừng lại (trì kiệu). Các loại pháo thi nhau nổ cùng tiếng chiêng trống rộn lên - tương truyền là cuộc chiến giết Đại Diên ở đây. Chừng nửa giờ sau, cả đám rước về chùa Hoa Lãng - nơi mẹ thánh tu hành - tạm nghỉ, xong các lễ tục báo ân, đám rước trở về chùa Láng⁽⁴⁾. Kinh Vu lan có câu:

Công dưỡng dục thâm ân dốc trả

Nghĩa sinh thành đạo cả mong đền.

Làm con hiếu hạnh vì tiên.

Bèn dùng tuệ nhãn dưới trên kiếm tìm⁽⁵⁾

Cuộc đời của Thiên sư Từ Đạo Hạnh có hai chặng đường rõ ràng. Khi chưa xuất gia thì tu luyện đạo pháp để trả thù cho cha. Khi theo Phật thì từ bỏ mọi ham muốn, nghiệp lực dồn vào từ thiện, làm công đức, noi gương Đức Phật Thích Ca để truyền pháp, giảng đạo. Công trạng của Thiên sư được dân ghi nhớ. Hội chùa Thầy diễn ra trùng với hội chùa Láng nhưng khác về hình thức. Mặc dù ngày

chính hội là ngày 7 tháng 3, nhưng thực tế không khí lễ hội đã dậy lên từ ngày đầu tháng. Các tăng ni, Phật tử từ khắp nơi tề tựu về chùa dự lễ tắm Phật. Nước thơm đã chuẩn bị sẵn, nhà sư làm lễ “hạ tượng” ra bàn gỗ, thấm ướt khăn lau và lau rửa từng chi tiết trong tư thế nghiêm cẩn. Tăng ni, Phật tử có mặt xung quanh tượng lăm râm đọc kinh, niệm Phật, chấp tay cung kính. Nước tắm Phật được nhà sư vẩy nhẹ lên khắp nơi, lên người đến hội để được phúc lộc, để phòng tai họa. Khăn tắm Phật xé vụn thành mảnh nhỏ chia cho mọi người mang về nhà bỏ vào nước tắm hoặc đeo bùa cho trẻ nhỏ để phòng bệnh mưa gió.

Sau khi an vị tượng Phật, trước ban thờ Phật diễn ra lễ “chạy đàn” do các nhà sư thực hiện. Điệu múa tôn giáo đơn điệu, các nhà sư chỉ lượn vòng tròn nhỏ trước ban thờ Phật, với cây gậy hoa trên tay, động tác biểu diễn là các bước đi theo tầng bậc như trên đường Đức Phật tìm học đạo.

Buổi tối, mặt nước thủy đình trước cửa chùa xôn xao, náo động bởi các tích trò của các phường múa rối. Múa rối nước trong lễ hội chùa Thầy diễn lại các tích trò sĩ, nông, công, thương là biểu thị cầu mùa, xin đức Phật ban cho mưa nắng thuận lợi, cho dân chúng làm ăn thịnh vượng. Trích đoạn truyện *Thạch Sanh, Tấm Cám* là truyện thơ với nội dung Phật giáo “Gieo thiện được thiện”, “Ác giả ác báo”. Mở đầu chương trình múa rối nước, chú Tễu ngộ nghĩnh đốt một tràng pháo vung vẩy khắp mặt nước. Hình ảnh đó tả thực hơn đâu hết cảnh trời (mặt trời,

4. Trương Sỹ Hùng. Sách chữ Nôm mới sưu tầm năm 2000 tại Hà Nội (chưa xuất bản, lưu tại Mai Linh thư trang).

5. *Kinh chú thường tụng*, Nxb Tôn giáo, H. 2000.

sấm sét) nước giao hòa, giữa một vùng đồng bằng có sự lấn đến của dãy núi thấp Sài Sơn.

Điểm xuyết ba lễ hội Phật giáo Việt Nam thì thấy, khi Phật giáo đã ngự trị trong đời sống tâm linh người Việt, người Việt đã chất lọc tinh hoa giáo lí, nắm bắt tư tưởng cơ bản của Phật học và tôn Phật các thiên sư bản địa đã giác ngộ. Mặt khác, các nghi thức tổ chức lễ hội đã tái diễn các cử chỉ hành động lúc trụ thế của đức Phật. Tín ngưỡng phồn thực được lồng ghép tế nhị trong lễ hội Phật giáo :

Gái chưa chồng đến hang Các Cờ

Trai chưa vợ nhớ hội chùa Thầy.

Các lễ hội Phật giáo khác như: Hội chùa Hương, hội chùa Quỳnh Lâm, hội chùa Yên Tử... đều có xu hướng phối thờ các linh tượng Phật giáo Ấn Độ, Phật giáo Trung Quốc với Phật giáo Việt Nam ở mức độ khác nhau. Lễ thì giống nhau, song hội mỗi nơi một kiểu và mục đích cầu may, du xuân là trội hơn cả.

Ngày hội toàn quốc lớn nhất ở Myanmar là Thigyan Pwè (Hội nước) đã giữ lại nguồn gốc Ấn Độ giáo bởi sự tích và hành động hội, nhưng trong cả quy trình tổ chức hội thì tục rước nước tắm tượng Phật, đội nước lên chùa chúc sức khỏe an lành cho các nhà sư vẫn gọi lên vai trò quan trọng của Phật giáo. Sư ở chùa vẫn tín kính cả các tu sĩ Ấn Độ giáo tiền bối, vẫn xem bói, chiêm tinh, lấy lá số tử vi và tin là có Ngọc hoàng Thượng đế. Có nơi, trước khi tổ chức hội nước, nhà sư bói xem ngày đó Ngọc hoàng sẽ xuống dự lễ bao nhiêu ngày thì sẽ ấn định số ngày thực hành lễ hội. Vào đúng ngày giờ đó, dân chúng dõng pháo vang rền, tất cả mọi nhà đều mở cửa chào đón,

ai nấy đều bước ra đường làng ngõ xóm, hai tay bung một bình nước đầy, có thả một vài lá *tha bye*. Khấn vái Trời. Phật xong, bình nước được đổ xuống đất, chỉ khi làm xong việc cần thiết nhất đó, mọi người mới cảm thấy yên tâm, vui vẻ đi dự hội. Trong suốt thời gian hội, trai gái thanh niên té nước chúc mừng nhau. Người già vào chùa tụng kinh hoặc ngồi thiền. Ngày kết thúc hội, có tục con cháu gọi đầu tắm rửa cho ông bà, cha mẹ, và làm lễ phóng sinh bằng cách thả chim hoặc cá.

Tin vào tính thiêng của cây bồ đề - nơi Đức Phật Thích Ca ngồi thiền định và giác ngộ, người Myanmar trồng cây này ở tất cả các tầng viện, chùa làng. Mỗi năm, vào dịp rằm tháng Hai lịch Myanmar (tháng 4 dương lịch) các phật tử lại nô nức chuẩn bị những bình nước di tưới cây bồ đề, vào chùa lễ Phật, cúng dường các nhà sư.

Nhớ ngày sơ chuyển pháp luân của Đức Phật, ngày rằm tháng "Waso" (tháng 6) ở Myanmar cũng là ngày đầu tiên của mùa an cư kiết hạ kéo dài hết ba tháng. Các sư trụ trì ở chùa không ai ra khỏi chùa mà phải trì tụng kinh điển, tụng tại thiền định. Các phật tử tại gia và hầu hết các tầng lớp dân chúng cũng bị ám ảnh bởi ý niệm "an cư" nên người ta cũng hạn chế ra khỏi nhà. Nhiều hoạt động xã hội dường như cũng tạm ngừng. Không ai tổ chức cưới xin trong mùa lễ lặng im. Có lẽ duy nhất chỉ có ngày đầu mùa lễ, các phật tử tụ tập lên chùa dâng áo cà sa cho sư.

Khác với lễ dâng áo cho sư là lễ dâng áo cà sa Kahtein - loại áo cà sa dệt trong một đêm và trở thành hội thi ngay tại các ngôi chùa. Loại áo cà sa dệt xong trước

